

Số: 723/2022/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 04 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 623/2022/HNST ngày 19 tháng 7 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1992. Địa chỉ: 332/64 Thoại Ngọc H, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1989. Địa chỉ: 108/52/3 Trần Văn Q, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 105/P9, quyền số 01/2011, ngày 27/6/2011 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận D, Tp. Hồ Chí Minh cấp thì bà Lê Thị Ngọc A và ông Nguyễn Trung T là vợ chồng hợp pháp. Bà Lê Thị Ngọc A và ông Nguyễn Trung T nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Ngọc A và ông Nguyễn Trung T; Về con chung: Bà Lê Thị Ngọc A và ông Nguyễn Trung T có 02 con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 04/10/2011 và Nguyễn K, sinh ngày 29/9/2016; ly hôn hai bên thỏa thuận giao con chung Nguyễn Thành Đ cho cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn K cho bà Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Ngọc A và ông Nguyễn Trung T khai không có.

[3] Về lệ phí thuận tình ly hôn: Lệ phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Lê Thị Ngọc A và ông Nguyễn Trung T phải chịu.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không T, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc A và ông Nguyễn Trung T thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

- + Giao con chung Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 04/10/2011 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Ngọc A do ông T không có yêu cầu.

- + Giao con chung Nguyễn K, sinh ngày 29/9/2016 cho bà Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông T do bà Ngọc A không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị Ngọc A và ông Nguyễn Trung T khai không có.

- Về nợ chung: Bà Lê Thị Ngọc A và ông Nguyễn Trung T khai không có.

2. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Lê Thị Ngọc A và ông Nguyễn Trung T tự nguyện nộp, được căn trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng lệ phí đương sự đã nộp theo biên lai số AA/2021/0031684 ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- UBND P.C, Q.D, Tp. HCM;
- (GCNKH số 01/2011, ngày 27/6/2011)
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

*(đã ký)*

**Nguyễn Văn Trí**